TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 26 – 6 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh
Ông Thạch Văn Hòa

- Thư ký Tòa án: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1953 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1983 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1980 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2023; biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2024; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ trình bày:

Vào ngày 11/7/2017 (âm lịch), ông Đ có cho ông Nguyễn Văn Đ1 vay số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời gian là 10 tháng (tức đến ngày 11/5/2018 (âm lịch) thì trả, ông Đ1 có làm biên nhận. Số tiền 50.000.000 đồng, do ông Nguyễn Văn Đ1 vay, bà N không có vay, còn chữ ký trong biên nhận ngày 11/7/2017 (âm lịch) người mượn là của ông Đ1 và ông Đ1 là người

ký thay cho bà N. Số tiền vay: 50.000.000 đồng sau khi trừ cấn, mượn rồi trả còn lại: 35.000.000 đồng, ông Đ1 đóng lãi 4%/ tháng, từ ngày 11/7/2017 (âm lịch) đến ngày 11/4/2021 (âm lịch) là 45 tháng, mỗi tháng là: 1.400.000 đồng, thành tiền 63.000.000 đồng (1.400.000 đống x 45 tháng = 63.000.000 đồng).

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ1 và vợ là bà Phạm Thị N trả số tiền 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ chỉ yêu cầu cá nhân ông Đ1 trả 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bà N cùng trả số tiền trên với ông Đ1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2024; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Ông Đ1 thừa nhận ngày 17/11/2017 (âm lịch), có vay của ông Đ 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/ tháng, đóng lãi cho ông Đ từ ngày 11/7/2017 đến ngày 11/4/2021 là 45 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thành tiền 90.000.000 đồng. Vốn trả được 04 lần 16.000.000 đồng, nhưng không nhớ ngày, tháng, năm (01 lần trả: 10.000.000 đồng; 01 lần trả: 5.000.000 đồng; 02 lần trả, mỗi lần 500.000 đồng). Mục đích vay tiền của ông Đ để cho vay lại kiếm lãi tiêu xài cá nhân, việc ông vay tiền ông Đ bà N vợ ông không biết. Ông Đ1 thừa nhận biên nhận số tiền 50.000.000 đồng là do Nguyễn Văn Đ1 viết và ký tên tại nhà ông Đ1, còn chữ ký của Phạm Thị N là do ông Đ1 ký thay và ghi họ tên Phạm Thị N.

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ1 trả số tiền 35.000.000 đồng, ông không có khả năng trả. Vì ông đã đóng lãi suất 10%/ tháng cho ông Đ từ ngày 11/7/2017 đến ngày 11/4/2021 là 45 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thành tiền 90.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật, trừ số lãi ông đã đóng cho ông Đ 10%/ tháng còn thừa thì trừ vào vốn 35.000.000 đồng, nếu còn thiếu thì ông sẽ trả cho ông Đ, còn dư (thừa) ông không yêu cầu ông Đ trả lại cho ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2024; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà không có vay tiền của ông Đ, bà chỉ nghe ông Đ1 nói là vay của ông Đ 40.000.000 đồng, trong đó ông Đ1 20.000.000 đồng, má ông Đ1 là bà Phạm Thị C 20.000.000 đồng. Biên nhận số tiền 50.000.000 đồng, bà không biết. Nhưng trước khi có dịch covid 19 thì bà có vay của ông Đ 20.000.000 đồng, bà có làm biên nhận ký tên cùng với ông Đ1 và đã

trả tiền mặt cho ông Đ 10.000.000 đồng, trừ vợ ông Đ thiếu bà 10.000.000 đồng, nhưng không có lấy lại biên nhận vay tiền từ ông Đ. Còn chữ ký, chữ viết Phạm Thị N của biên nhân 50.000.000 đồng là không phải của bà.

Nay bà không đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông Đ, vì bà không có vay số tiền nêu trên, còn ông Đ1 vay tiền của ông Đ thì ông Đ1 tự trả bà không biết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề xuất: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trần Ngọc Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ1 trả số tiền vay: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 08/10/2023 của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ1 và vợ là bà Phạm Thị N trả phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay còn nợ là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về nội dung: Ông Trần Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ1 và vợ là bà Phạm Thị N phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay còn nợ là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ chỉ yêu cầu cá nhân ông Đ1 trả 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bà N cùng trả số tiền nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ1 trả 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Đ cho rằng ông Đ1 vay tiền của ông: 50.000.000 đồng ngày

11/7/2017 (âm lịch), thời gian vay là 10 tháng (tức ngày 11/5/2018) thì trả (ông Đ1 có viết biên nhận cho ông Đ), còn lãi suất thỏa thuận miệng là 4%/tháng, còn biên nhận thì không có ghi lãi suất. Ông Đ thừa nhận rằng trong quá trình vay 50.000.000 đồng, Đ1 trả vốn được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 35.000.000 đồng; ông Đ1 đã đóng lãi 4%/ tháng, mỗi tháng 1.400.000 đồng (từ ngày 11/7/2017 đến ngày 11/4/2021) là 45 tháng, thành tiền là: 63.000.000 đồng (1.400.000 đồng x 45 tháng = 63.000.000 đồng). Còn về phía ông Đ1 thì thừa nhận có vay số tiền của ông Đ 50.000.000 đồng, nhưng cho rằng lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng đóng cho ông Đ 2.000.000 đồng (từ ngày 11/7/2017 đến ngày 11/4/2021) là 45 tháng, thành tiền là: 90.000.000 đồng, còn vốn trả được 4 lần là 16.000.000 đồng (01 lần 10.000.000 đ; 01 lần 5.000.000 đ; 02 lần 500.000 đ) không nhớ ngày tháng năm. Ông Đ thì không thừa nhận ông Đ1 trả vốn 16.000.000 đồng và đóng lãi 90.000.000 đồng, nhưng về phía ông Đ1 thì không có chứng cứ để chứng minh cho việc trả vốn 16.000.000 đồng và đóng lãi 90.000.000 đồng; nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo lời thừa nhận của ông Trần Ngọc Đ là ông Đ1 trả vốn 15.000.000 đồng, lãi suất 4%/ tháng, mỗi tháng 1.400.000 đồng (từ ngày 11/7/2017 đến ngày 11/4/2021) là 45 tháng, thành tiền là: 63.000.000 đồng. Xét thấy việc ông Đ lấy lãi của ông Đ1 4%/ tháng (48%/năm) là cao so với quy định của pháp luật. Cần phải điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp, trừ lại số tiền lãi cao ông Đ1 đã đóng, còn lại trừ vào vốn, nếu thiếu thì ông Đ1 sẽ trả cho ông Đ còn thừa thì ông Đ1 bỏ không yêu cầu xem xét. Do đó, cần phải điều chỉnh lại lãi suất theo quy định lại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sư năm 2015.

35.000.000 đồng x 1,66%/tháng (20%/ năm) x 45 tháng = 26.145.000 đồng (tiền lãi).

63.000.000 đồng - 26.145.000 đồng = 36.855.000 đồng.

36.855.000 đồng - 35.000.000 đồng = 1.855.000 đồng (tiền trừ vào vốn còn thừa).

[5] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ là không cơ sở. Do đó áp dụng các Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 35.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Ngọc Đ là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 về án phí và lệ phí Tòa án; nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng các Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trần Ngọc Đ kiện ông Nguyễn Văn Đ1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc Đ buộc ông Nguyễn Văn Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc Đ số tiền vay còn nợ: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Ngọc Đ là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh